

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020

(đã được soát xét)



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 3
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	4 - 5
<b>Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét:</b>	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần phân phối Top One (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 253.500.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.)

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh thương mại, Bán buôn tổng hợp.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc
----------------------	----------

**Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty Cổ phần phân phối Top One đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ – CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2020

**TM. Ban điều hành**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị-**

**Người đại diện trước pháp luật**



**Nguyễn Hữu Khá**





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 322/BCKT-TC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

của Công ty Cổ phần phân phối Top One

**Kính gửi:** Quý Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần phân phối Top One

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán TTP đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần phân phối Top One được lập ngày 07 tháng 08 năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 được trình bày từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Theo thuyết minh số VI.4, trong kỳ Công ty Cổ phần phân phối Top one chuyển nhượng 47% vốn điều lệ cho Ông Nguyễn Xuân Bắc (Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2020/HĐCN-TPHG) tương đương với 1.128.000 cổ phần với giá 32.000 VND/cổ phần dẫn đến khoản lỗ tài chính đơn vị ghi nhận trong kỳ là 84.224.376.000 VND. Số lượng cổ phần đơn vị nắm giữ sau khi chuyển nhượng là 1.152.000 cổ phần tương ứng với 48%.

Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được giá trị hợp lý của Công ty CP Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giao dịch chuyển nhượng nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty.

Theo thuyết minh số V.2, tại thời điểm 30/06/2020 đơn vị chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư Công ty CP Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Do không có căn cứ xác định giá hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính nên giá hợp lý của khoản đầu tư vào công ty CP Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang được tạm xác định theo giá giao dịch chuyển nhượng gần nhất là 32.000VND/CP. Do vậy, giá trị khoản đầu tư cần phải trích dự phòng giảm giá là: 86.016.000.000 VND.



Công ty sử dụng 48,47% vốn điều lệ của mình để đầu tư vào Công ty cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do kỳ vọng vào dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang của Công ty này. Dự án đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp Quyết định số 1029/QĐ- UBND ngày 06/06/2017 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng và điều chỉnh dự án. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa được tiếp cận các hồ sơ liên quan đến dự án như: Kế hoạch tài chính để triển khai dự án; Thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán; Thuyết minh dự án; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các hồ sơ dự án khác... đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định phê duyệt. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về đánh giá đối với giá trị của khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty.

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 12/06/2020 Công ty CP Phân phối Top One đã thực hiện góp vốn vào Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1 số tiền 17.280.000.000 đồng và Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2 số tiền 17.280.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa được tiếp cận các hồ sơ liên quan đến dự án như: Kế hoạch tài chính để triển khai dự án; Thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán; Thuyết minh dự án; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các hồ sơ dự án khác... đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định phê duyệt. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về đánh giá đối với giá trị của khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1 và Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2 cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 của Công ty.

#### **Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### **Vấn đề khác**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, báo cáo soát xét số 626/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM phát hành ngày 05 tháng 08 năm 2019 đưa ra ý kiến kết luận ngoại trừ và báo cáo kiểm toán độc lập số 397/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM phát hành ngày 25 tháng 03 năm 2020 từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán.

Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2020  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP**  
**Phó Tổng Giám đốc**



**Lê Phương Anh**  
Số Giấy CN ĐKHN  
Kiểm toán: 0739-2018-133-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>10.895.619.834</b>	<b>15.758.677.524</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>3.908.584.271</b>	<b>465.661.171</b>
1. Tiền	111		3.908.584.271	465.661.171
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.907.597.524</b>	<b>9.018.769.028</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	3.a	2.665.309.687	8.346.244.028
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.a	504.287.837	597.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5	3.738.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	6.a	-	75.025.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>-</b>	<b>6.221.942.149</b>
1. Hàng tồn kho	141		-	6.221.942.149
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>79.438.039</b>	<b>52.305.176</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.a	59.526.594	34.445.336
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.051.605	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12.b	17.859.840	17.859.840
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>159.914.912.428</b>	<b>245.759.315.793</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.310.698.669</b>	<b>2.441.804.399</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	854.332.067	954.672.977
- Nguyên giá	222		1.539.545.455	1.539.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(685.213.388)	(584.872.478)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	1.456.366.602	1.487.131.422
- Nguyên giá	228		1.661.300.000	1.661.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(204.933.398)	(174.168.578)
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>2</b>	<b>157.439.624.000</b>	<b>243.200.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	243.200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		157.439.624.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>164.589.759</b>	<b>117.511.394</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.b	164.589.759	117.511.394
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>170.810.532.262</b>	<b>261.517.993.317</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020**  
**(Tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.266.621.000</b>	<b>9.490.119.763</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.266.621.000</b>	<b>9.490.119.763</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11.a	52.650.000	2.540.825.632
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.a	6.810.000	751.669.131
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	13.a	6.207.161.000	6.197.625.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>164.543.911.262</b>	<b>252.027.873.554</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>164.543.911.262</b>	<b>252.027.873.554</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		253.500.000.000	253.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		253.500.000.000	253.500.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(88.956.088.738)	(1.472.126.446)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.472.126.446)	1.281.824.034
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(87.483.962.292)	(2.753.950.480)
3. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>170.810.532.262</b>	<b>261.517.993.317</b>

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hữu Khá



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1	5.182.612.838	11.463.494.655
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.182.612.838	11.463.494.655
4. Giá vốn hàng bán	11	2	7.027.427.949	13.393.207.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(1.844.815.111)	(1.929.712.369)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3	34.803	253.276.483
7. Chi phí tài chính	22	4	84.224.433.000	26.250.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	26.250.000
8. Chi phí bán hàng	24	7.a	314.040.000	537.032.500
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	7.b	1.020.794.677	1.054.580.029
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(87.404.047.985)	(3.294.298.415)
11. Thu nhập khác	31	5	1.712	-
12. Chi phí khác	32	6	79.916.019	535.496
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(79.914.307)	(535.496)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(87.483.962.292)	(3.294.833.911)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9	-	12.363.121
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(87.483.962.292)	(3.307.197.032)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	10	(3.451)	(130)

Người lập biểu

Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2020

Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Hữu Khá

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Phương pháp gián tiếp

6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(87.483.962.292)</b>	<b>(3.294.833.911)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>84.355.446.927</b>	<b>156.621.247</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	131.105.730	131.105.730
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	84.224.341.197	(734.483)
- Chi phí lãi vay	06	-	26.250.000
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(3.128.515.365)</b>	<b>(3.138.212.664)</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	5.847.119.899	146.238.438.625
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	6.221.942.149	3.926.345.401
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(3.223.498.763)	(1.427.561.492)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(72.159.623)	(38.647.742)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(26.250.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(31.695.392)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.644.888.297</b>	<b>145.502.416.736</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(3.738.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	19.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.560.000.000)	(228.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	36.096.000.000	49.480.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	34.803	734.483
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.201.965.197)</b>	<b>(159.519.265.517)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Tiếp theo)  
 6 tháng đầu năm 2020

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	3.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(3.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>3.442.923.100</b>	<b>(14.016.848.781)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>465.661.171</b>	<b>15.431.408.150</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3.908.584.271</b>	<b>1.414.559.369</b>

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2020

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Chủ tịch HĐQT**





**Đỗ Thị Thanh Xuân**

**Đỗ Thị Thanh Xuân**

**Nguyễn Hữu Khá**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán từ 01/01/2020 đến 30/06/2020**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)*

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 253.500.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.)

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh thương mại, bán buôn tổng hợp.

### **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định



theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

*Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:*

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

*Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:*

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **4. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại

tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty mẹ khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019, hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

## **5. Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

## **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:



Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**7. Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính**

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện, vận tải	03 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

**8. Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

**9. Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**10. Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

**11. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc

sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

## **12. Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **14. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## **15. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## **16. Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

**19. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

**21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp;
- Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	3.902.504.529	14.701.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.079.742	450.959.651
<b>Cộng</b>	<b>3.908.584.271</b>	<b>465.661.171</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

(Chi tiết tại phụ lục số 01)

3. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>2.665.309.687</b>	<b>8.346.244.028</b>
- Các đối tượng khác	2.665.309.687	8.346.244.028
Công Ty Cổ Phần Thương Mại Truyền Thông Ngô Quyền Hà Nội	-	1.742.672.351
Công ty cổ phần XNK Đức Bảo	-	1.702.623.076
Công ty TNHH EVIE	-	1.974.401.798
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	-	896.648.731
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình	1.896.661.487	1.408.592.922
Khác	768.648.200	621.305.150
<b>Cộng</b>	<b>2.665.309.687</b>	<b>8.346.244.028</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>504.287.837</b>	<b>597.500.000</b>
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	-	500.000.000
Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam	-	97.500.000
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	504.287.837	-
<b>Cộng</b>	<b>504.287.837</b>	<b>597.500.000</b>

**5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.738.000.000</b>	-
Nguyễn Hữu Khá (*)	3.738.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.738.000.000</b>	-

(\*) Hợp đồng cho vay số HĐVCN TOP - NHK ngày 30/06/2020. Số tiền 3.738.000.000 VND, lãi suất 9%, kỳ hạn 9 tháng (kể từ 30/06/2020 đến 31/03/2021).

Trong đó cho vay bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT	3.738.000.000	-

**6. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	-	75.025.000	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	75.025.000	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	-	-	75.025.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	-	-	6.221.942.149	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.221.942.149</b>	<b>-</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết phụ lục số 02)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình (Chi tiết phụ lục số 03)****10. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>59.526.594</b>	<b>34.445.336</b>
- Chi phí cải tạo văn phòng	59.526.594	34.445.336
<b>b. Dài hạn</b>	<b>164.589.759</b>	<b>117.511.394</b>
- Công cụ dụng cụ	164.589.759	117.511.394
<b>Cộng</b>	<b>224.116.353</b>	<b>151.956.730</b>

**11. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>52.650.000</b>	<b>2.540.825.632</b>
Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam	52.650.000	
Công ty cổ phần dịch vụ Top One	-	2.141.386.163
Công ty TNHH DV Nam Vũ (Công ty TNHH Thời Trang BTS)	-	399.439.469
<b>Cộng</b>	<b>52.650.000</b>	<b>2.540.825.632</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số cuối kỳ
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế Giá trị gia tăng	692.479.131	194.126.280	886.605.411	-
Thuế Thu nhập cá nhân	59.190.000	13.620.000	66.000.000	6.810.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	40.363.901	40.363.901	-
<b>Cộng</b>	<b>751.669.131</b>	<b>251.110.181</b>	<b>995.969.312</b>	<b>6.810.000</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.859.840			17.859.840
<b>Cộng</b>	<b>17.859.840</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>17.859.840</b>

**13. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.207.161.000</b>	<b>6.197.625.000</b>
Bảo hiểm xã hội	7.599.000	-
Bảo hiểm y tế	1.341.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	596.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.197.625.000	6.197.625.000
<b>Cộng</b>	<b>6.207.161.000</b>	<b>6.197.625.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

(Chi tiết phụ lục số 04)

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của các cổ đông khác	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
<b>Cộng</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	253.500.000.000	253.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.350.000</i>	<i>25.350.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>25.350.000</i>	<i>25.350.000</i>

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	5.182.612.838	11.463.494.655
<b>Cộng</b>	<b>5.182.612.838</b>	<b>11.463.494.655</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn hàng hóa	7.027.427.949	13.393.207.024
<b>Cộng</b>	<b>7.027.427.949</b>	<b>13.393.207.024</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	34.803	734.483
- Khác	-	252.542.000
<b>Cộng</b>	<b>34.803</b>	<b>253.276.483</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền vay	-	26.250.000
- Bán cổ phần (*)	84.224.376.000	-
- Khác	57.000	-
<b>Cộng</b>	<b>84.224.433.000</b>	<b>26.250.000</b>

(\*) Theo Biên bản họp HĐQT ngày 12/06/2020 về việc thoái một phần vốn của Công ty CP Lâm Nông sản Thực Phẩm Hà Giang. Công ty CP phân phối Top one chuyển nhượng 47% vốn điều lệ cho Ông Nguyễn Xuân Bắc (Hợp đồng số 01/2020/HĐCN-TPHG) tương đương với 1.128.000 CP với giá 32.000 VND/CP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**5. Thu nhập khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thu nhập khác	1.712	-
<b>Cộng</b>	<b>1.712</b>	<b>-</b>

**6. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN, phạt thuế	79.916.019	-
- Khác	-	535.496
<b>Cộng</b>	<b>79.916.019</b>	<b>535.496</b>

**7. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a. Chi phí bán hàng</b>	<b>314.040.000</b>	<b>537.032.500</b>
- Chi phí đồ dùng văn phòng	750.000	900.000
- Chi phí nhân công	313.290.000	536.132.500
<b>b. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.020.794.677</b>	<b>1.054.580.029</b>
- Chi phí đồ dùng văn phòng	208.478.196	168.489.895
- Chi phí nhân công	298.237.000	253.500.000
- Chi phí khấu hao	131.105.730	131.105.730
- Thuế, phí, lệ phí	6.734.364	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.523.969	334.978.314
- Chi phí khác bằng tiền	17.715.418	163.506.690
<b>Cộng</b>	<b>1.334.834.677</b>	<b>1.591.612.529</b>

**8. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí đồ dùng văn phòng	209.228.196	169.389.895
- Chi phí nhân công	611.527.000	789.632.500
- Chi phí khấu hao	131.105.730	131.105.730
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	358.523.969	334.978.314
- Chi phí khác bằng tiền	17.715.418	163.506.090
<b>Cộng</b>	<b>1.328.100.313</b>	<b>1.588.612.529</b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	12.363.121
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	12.363.121

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(87.483.962.292)	(3.307.197.032)
Các khoản điều chỉnh	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ LNST	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(87.483.962.292)	(3.307.197.032)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.451)	(130)

**VII. Những thông tin khác****1. Công cụ tài chính**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.908.584.271		465.661.171	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.665.309.687	-	8.421.269.028	-
Các khoản cho vay	3.738.000.000		-	
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	157.439.624.000	-	243.200.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>167.751.517.958</b>	<b>-</b>	<b>252.086.930.199</b>	<b>-</b>

  

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	6.259.811.000	8.738.450.632
Chi phí phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.259.811.000</b>	<b>8.738.450.632</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.908.584.271			3.908.584.271
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.665.309.687	-		2.665.309.687
Các khoản cho vay	3.738.000.000	-		3.738.000.000
Đầu tư dài hạn	157.439.624.000		-	157.439.624.000
<b>Cộng</b>	<b>167.751.517.958</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>167.751.517.958</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	465.661.171			465.661.171
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.421.269.028	-		8.421.269.028
Các khoản cho vay	-	-		-
Đầu tư ngắn hạn	-			-
Đầu tư dài hạn	243.200.000.000	-		243.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>252.086.930.199</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>252.086.930.199</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả	6.259.811.000	-		6.259.811.000
Chi phí phải trả	-	-		-
<b>Cộng</b>	<b>6.259.811.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.259.811.000</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	-	-		-
Phải trả người bán, phải trả	8.738.450.632	-		8.738.450.632
Chi phí phải trả	-	-		-
<b>Cộng</b>	<b>8.738.450.632</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.738.450.632</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Thuyết minh báo cáo tài chính

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**2. Báo cáo bộ phận****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng hóa	Doanh thu dịch vụ	Đơn vị tính: VND
			Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	5.182.612.838	-	5.182.612.838
Chi phí bộ phận	7.027.427.949	-	7.027.427.949
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(1.844.815.111)</b>	<b>-</b>	<b>(1.844.815.111)</b>
<b>Các chi phí không phân bổ theo bộ phận</b>			<b>1.334.834.677</b>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			(3.179.649.788)
Doanh thu hoạt động tài			34.803
Chi phí tài chính			84.224.433.000
Thu nhập khác			1.712
Chi phí khác			79.916.019
Thuế TNDN hiện hành			-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>(87.483.962.292)</b>

**3. Giao dịch với bên liên quan****a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Hữu Khả	Chủ tịch HĐQT

**b. Giao dịch với bên liên quan****Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

Các bên liên quan	Giao dịch	Kỳ này
		Số tiền
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		102.036.000
Ông Nguyễn Hữu Khả	Cho vay	3.738.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.



**4. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

**Người lập biểu**



**Đỗ Thị Thanh Xuân**

**Kế toán trưởng**



**Đỗ Thị Thanh Xuân**

Hà Giang, ngày 07 tháng 08 năm 2020



**Chức tịch HĐQT**

**Nguyễn Hữu Khá**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phụ lục số 01 - tiếp theo

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty con</b>								
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang		-	-	-	95,0%	243.200.000.000	(*)	-
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết</b>		157.439.624.000	-	-		-	-	-
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	48,0%	122.879.624.000	(*)	-		-	-	-
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	48,0%	17.280.000.000	(*)	-		-	-	-
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	48,0%	17.280.000.000	(*)	-		-	-	-

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Chi tiết các khoản đầu tư**

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Tổ 1 - Thị trấn Việt Lâm - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang	Bán buôn tổng hợp (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm), Chế biến thực phẩm.
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	Thôn Nặm Quăng, Xã Quảng Ngần, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	Thôn Nặm Quăng - Xã Quảng Ngần - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phụ lục số 02

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết phụ lục số 02)**

					Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
<b>Số đầu năm</b>			<b>1.500.000.000</b>	<b>39.545.455</b>	<b>1.539.545.455</b>
- Mua trong kỳ					-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Phân loại lại					-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	-	<b>1.500.000.000</b>	<b>39.545.455</b>	<b>1.539.545.455</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
<b>Số đầu năm</b>			<b>562.500.000</b>	<b>22.372.478</b>	<b>584.872.478</b>
- Khấu hao trong kỳ			93.750.000	6.590.910	100.340.910
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính					-
- Phân loại lại					-
- Góp vốn bằng tài sản					-
- Thanh lý nhượng bán					-
- Giảm khác					-
<b>Số cuối kỳ</b>	-	-	<b>656.250.000</b>	<b>28.963.388</b>	<b>685.213.388</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	-	-	937.500.000	17.172.977	954.672.977
Tại ngày cuối kỳ	-	-	<b>843.750.000</b>	<b>10.582.067</b>	<b>854.332.067</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thể chấp:

- VND

- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng:

- VND

Phụ lục số 03

**. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

<b>Choán mục</b>	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>1.661.300.000</b>	<b>1.661.300.000</b>
Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.661.300.000</b>	<b>1.661.300.000</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>		
<b>Số đầu năm</b>	<b>174.168.578</b>	<b>174.168.578</b>
Khấu hao trong kỳ	30.764.820	30.764.820
- Thanh lý nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>204.933.398</b>	<b>204.933.398</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>1.487.131.422</b>	<b>1.487.131.422</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>1.456.366.602</b>	<b>1.456.366.602</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thế chấp:

- VND

- TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng:

- VND



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE**

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Phụ lục số 04

**14. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>253.500.000.000</b>		<b>1.281.824.034</b>	<b>254.781.824.034</b>
- Tăng vốn trong kỳ trước				-
- Lãi trong kỳ trước			-	-
- Tăng khác				-
- Trích lập các quỹ				-
- Giảm vốn trong kỳ trước				-
- Lỗ trong kỳ trước			(2.753.950.480)	(2.753.950.480)
- Cổ tức				-
- Chuyển lợi nhuận thành vốn góp				-
- Giảm khác				-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(1.472.126.446)</b>	<b>252.027.873.554</b>
- Tăng vốn trong kỳ này				-
- Lãi trong kỳ này			-	-
- Trích lập các quỹ				-
- Giảm khác				-
- Lỗ trong kỳ này			(87.483.962.292)	(87.483.962.292)
- Cổ tức				-
- Chuyển lợi nhuận thành vốn góp				-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>253.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(88.956.088.738)</b>	<b>164.543.911.262</b>